

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2542 /BCA-C08

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2024

V/v đề nghị tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều của Luật Trật tự,
an toàn giao thông đường bộ

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 2912
	Ngày: 12/8/2024
	Chuyên:
	Ngày HT: / /

Ngày 27/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025. Để tổ chức triển khai thi hành Luật, Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020), Bộ Công an trân trọng gửi dự thảo Nghị định nêu trên để Quý Cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến.

Văn bản tham gia ý kiến đề nghị gửi về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) **trước ngày 15/8/2024** để tổng hợp chung.

(Chi tiết xin liên hệ đồng chí Thượng tá Nguyễn Đăng Hoàng, Chuyên viên cao cấp Phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an; SĐT: 0901.381.979)

Bộ Công an trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. *Quách*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Long;
- V01, V03;
- Lưu: VT, C08 (P1).

**KT. BỘ TRƯỞNG**
THỨ TRƯỞNG

Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Lâm

Số: /TTr-BCA-C08

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều
của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 27/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025; trong đó giao chính phủ:

- Quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; quy định việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (khoản 3 Điều 7).

- Quy định về quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên (khoản 6 Điều 27).

- Quy định về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với xe ô tô kinh doanh vận tải; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe đối với xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ người lái xe) kinh doanh vận tải, ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông; quy định về điều kiện hoạt động phương tiện giao thông thông minh, xe thô sơ (khoản 5 Điều 35).

- Quy định màu sơn của xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh (điểm a khoản 1 Điều 46).

- Quy định các trường hợp cần thiết, phải có người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ (điểm đ khoản 4 Điều 52).

- Quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch (khoản 4 Điều 55).

- Quy định chi tiết Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ (khoản 5 Điều 85).

Để sớm triển khai việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, đảm bảo các văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành cùng thời điểm của Luật, ngày 27/7/2024 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, trong đó giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho người tham gia giao thông, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

- Quy định chi tiết các nội dung về cơ sở dữ liệu; quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với xe kinh doanh vận tải; điều kiện hoạt động của phương tiện giao thông thông

minh, xe thô sơ; màu sơn của xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh; trường hợp cần thiết phải có người, phương tiện hỗ trợ lái xe và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông; Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, cụ thể hóa quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; các quy định của Luật được cụ thể và có tính khả thi. Bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành.

- Góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên tuyến giao thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để nâng cao hiệu quả, tăng cường tính công khai, minh bạch; cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an đã triển khai các công việc sau:

1. Ngày / /2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số /QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Ngày / /2024, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số /QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Ngày / /2024, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định số /QĐ-BCA thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Ngày / /2024, Bộ Công an đã có văn bản số /BCA gửi các bộ, ngành, địa phương, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định, đồng thời gửi Công thông tin điện tử Chính phủ,

Công Thông tin điện tử Bộ Công an để đăng tải, lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động.

4. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Công an đã hoàn thiện dự thảo Nghị định. Ngày / /2024, Bộ Công an đã có văn bản số /BCA-C08 gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định.

5. Ngày / /2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số /BC-BTP đối với dự thảo Nghị định.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ngày / /2024, Bộ Công an đã có văn bản số /BC-BCA về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được xây dựng gồm 7 chương 41 Điều như sau:

1. Chương I (Những quy định chung) gồm 2 điều từ Điều 1 đến Điều 2, quy định về: Phạm vi điều chỉnh; phụ lục kèm theo Nghị định.

2. Chương II (Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thu thập, quản lý khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ) gồm 11 điều, từ Điều 3 đến Điều 13, quy định về: Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kinh phí cho Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Chương III (Quản lý, lắp đặt, sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên) gồm 9 điều, từ Điều 14 đến Điều 22, quy định về: Đối tượng lắp đặt, sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên; tín hiệu của các loại xe ưu tiên; sử dụng tín hiệu

của xe ưu tiên; quy định về thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; quản lý, sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên; cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

4. Chương IV (Điều kiện hoạt động của phương tiện giao thông thông minh, điều kiện hoạt động của xe thô sơ và lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe) gồm 6 điều, từ Điều 23 đến Điều 28, quy định về: Thẩm quyền cấp phép hoạt động của phương tiện giao thông thông minh; điều kiện hoạt động của xe thô sơ; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông; lắp đặt thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông; màu sơn của xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh; hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết đối với xe ô tô quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích; xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ.

5. Chương V (Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài vào Việt Nam du lịch) gồm 6 điều, từ Điều 29 đến Điều 34, quy định về: Điều kiện để phương tiện cơ giới nước ngoài và người nước ngoài điều khiển phương tiện vào tham gia giao thông tại Việt Nam; trình tự, thủ tục chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam; quy định đối với người điều khiển và phương tiện cơ giới nước ngoài khi tham gia giao thông tại Việt Nam; xử lý vi phạm đối với người nước ngoài điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài; trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam; trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài điều khiển vào tham gia giao thông tại Việt Nam với mục đích du lịch.

6. Chương VI (Nguồn hình thành, hoạt động chi, thành lập, quản lý, sử dụng quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ) gồm 4 điều, từ Điều

35 đến Điều 38, quy định về: Nguồn tài chính, nội dung chi của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; thành lập Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; nhiệm vụ của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.

7. Chương VII (Điều khoản thi hành) gồm 3 điều, từ Điều 39 đến Điều 41, quy định về: Điều khoản chuyển tiếp; hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình bao gồm; Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính của dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Giao thông vận tải;
- V03, V01;
- Lưu VT, C08.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Lâm

đm

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

Ngày 29.7.2024

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều
của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ gồm:

1. Khoản 3 Điều 7 về cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; quy định việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

2. Khoản 6 Điều 27 về quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên;

3. Khoản 5 Điều 35 về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với xe ô tô kinh doanh vận tải; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình

ảnh người lái xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông; điều kiện hoạt động của phương tiện giao thông thông minh; điều kiện hoạt động của xe thô sơ;

4. Điểm a khoản 1 Điều 46 về màu sơn của xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh;

5. Điểm đ khoản 4 Điều 52 về trường hợp cần thiết phải có người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ;

6. Khoản 4 Điều 55 về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;

7. Khoản 5 Điều 85 về nguồn hình thành, hoạt động chi, thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 2. Phụ lục kèm theo Nghị định

1. Phụ lục 01: Yêu cầu kỹ thuật còi, đèn, còi phát tín hiệu ưu tiên.

2. Phụ lục 02: Các biểu mẫu liên quan đến cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

3. Phụ lục 03: Các biểu mẫu liên quan đến chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ; THU THẬP, QUẢN LÝ KHAI THÁC THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống các cơ sở dữ liệu được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024.

2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ phục vụ công tác quản lý nhà nước, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương và bộ, ban, ngành có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời ngay sau khi các thủ tục hành chính, các mặt công tác nghiệp vụ có liên quan đã hoàn thành; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

4. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ tuân thủ các quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử; quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; quy định về bảo đảm, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được xây dựng phù hợp kiến trúc Chính phủ điện tử, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin, định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Các bộ, ngành có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối, chia sẻ thông tin với Bộ Công an (Trung tâm chỉ huy giao thông) để quản lý, vận hành, khai thác và chia sẻ với các cơ quan, đơn vị liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 6. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

a) Thông tin cơ bản về chủ sở hữu phương tiện

Đối với cá nhân: Họ, tên; năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân; số điện thoại; dân tộc; quốc tịch; nơi thường trú; nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, địa chỉ đăng ký xe;

Đối với tổ chức: Tên tổ chức; tên người đại diện hợp pháp; địa chỉ; mã số thuế hoặc quyết định thành lập hoặc mã định danh điện tử của tổ chức, số điện thoại;

b) Thông tin cơ bản về phương tiện: loại xe; nhãn hiệu; số loại; màu sơn; số máy; số khung; số chỗ ngồi; số chỗ đứng; trọng tải, trọng lượng toàn bộ; trọng lượng kéo theo, trọng lượng bản thân; dung tích; công suất; năm sản xuất; nước sản xuất, loại nhiên liệu; chiều dài cơ sở; kích thước bao; kích thước thùng; ảnh phương tiện, bản chà số máy, số khung;

c) Thông tin đăng ký xe: Biển số xe; màu biển; trạng thái đăng ký; trạng thái xe; trạng thái hồ sơ; số chứng nhận đăng ký xe; thời gian đăng ký; lịch sử đăng ký (đăng ký lần đầu; cấp đổi; sang tên; thu hồi); thời gian hết hạn đăng ký xe; thời gian hết niên hạn sử dụng; nguồn gốc phương tiện; chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp; chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính; loại xe ưu tiên; thời gian cấp, số Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên, thời hạn sử dụng Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

2. Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

a) Thông tin về phương tiện: Biển số xe; số quản lý; loại phương tiện; nhãn hiệu; số loại; số máy; số khung; năm, nước sản xuất; niên hạn sử dụng;

b) Thông tin về thông số kỹ thuật: công thức bánh xe; vết bánh xe; kích thước bao; kích thước khoang hành lý lớn nhất; chiều dài cơ sở; khối lượng bản thân; khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế cho phép tham gia giao thông; khối lượng toàn bộ theo thiết kế cho phép tham gia giao thông; khối lượng kéo theo thiết kế cho phép tham gia giao thông; số người cho phép chở; loại nhiên liệu; thể tích làm việc của động cơ; công suất lớn nhất; số seri; số lượng lốp, cỡ lốp; thời gian cấp; nơi cấp; thời hạn.

3. Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: Số giấy phép lái xe, số chứng chỉ; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; cơ sở đào tạo lái xe; hạng xe đào tạo; khoá đào tạo; ngày sát hạch lần đầu, sát hạch lại; cơ quan sát hạch; địa điểm, trung tâm sát hạch; ngày cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cơ quan cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; thời hạn sử dụng của giấy phép lái xe.

4. Cơ sở dữ liệu về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: Họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; số giấy phép lái xe, số chứng chỉ, hạng giấy phép lái xe, cơ sở đào tạo; điều kiện sức khỏe người điều khiển phương tiện, nơi khám, thời gian khám.

5. Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

a) Thông tin về chủ xe cơ giới: Tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có), số định danh của chủ xe cơ giới hoặc số hộ chiếu (đối với chủ xe cơ giới là cá nhân);

b) Thông tin về xe cơ giới: số biển kiểm soát hoặc số khung, số máy, loại xe, trọng tải (đối với xe ô tô), số chỗ ngồi (đối với xe ô tô), mục đích sử dụng xe (đối với xe ô tô), nhãn hiệu, dung tích, màu sơn, năm sản xuất;

c) Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm: Tên, địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng;

d) Mức trách nhiệm bảo hiểm dân sự đối với bên thứ ba và hành khách;

đ) Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, người lái xe khi xảy ra tai nạn;

e) Thời hạn bảo hiểm, số giấy chứng nhận bảo hiểm, phí bảo hiểm, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, ngày cấp đơn, nơi cấp đơn; người cấp đơn (nếu có);

g) Thông tin bồi thường bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; thông tin tai nạn, xử phạt vi phạm hành chính, đăng ký, đăng kiểm liên quan tới xe cơ giới thu thập được thông qua kết nối với cơ sở dữ liệu của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải.

6. Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Thông tin trong cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ bảo đảm yêu cầu chung theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và yêu cầu sau đây:

đ

a) Thông tin về đối tượng vi phạm

Đối với cá nhân: Họ, tên; ngày sinh; giới tính; quốc tịch; nghề nghiệp; nơi ở hiện tại; số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (đối với người nước ngoài);

Đối với tổ chức: tên của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động; người đại diện theo pháp luật;

b) Thông tin về phương tiện vi phạm: Tên chủ phương tiện; số định danh; số điện thoại; địa chỉ chủ phương tiện; số đăng ký; ngày cấp; nơi cấp; số khung; số máy; nhãn hiệu; màu sơn; số loại;

c) Thông tin về hành vi vi phạm: Được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Thông tin về hình thức xử phạt: Tình tiết tăng nặng (nếu có); tình tiết giảm nhẹ (nếu có); hình thức xử phạt chính; tổng mức tiền phạt; hình thức xử phạt bổ sung (nếu có); biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); thời hạn thi hành;

đ) Thông tin về biện pháp quản lý trừ điểm giấy phép lái xe: Họ tên người được cấp giấy phép lái xe; ngày sinh; giới tính; quốc tịch; nghề nghiệp; nơi ở hiện tại; số định danh cá nhân, hộ chiếu; số giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; tổng số điểm, số điểm đã bị trừ, số điểm hiện có; thời gian phục hồi điểm (đối với trường hợp bị trừ hết điểm).

7. Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ

a) Thông tin về hậu quả thiệt hại: số vụ, số người chết, số người bị thương, tài sản bị thiệt hại, phân loại tai nạn giao thông, hệ số an toàn giao thông đường bộ;

b) Thông tin về kết quả điều tra, giải quyết: số vụ xử lý hành chính, số vụ xử lý hình sự;

c) Thông tin về thời gian, địa điểm, cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Thông tin về phương tiện tai nạn: biển số xe; số loại; loại xe; nhãn hiệu; màu sơn; số máy; số khung; số chỗ ngồi; nguồn gốc; số đăng ký xe; dung tích; hạn sử dụng; số giấy chứng nhận kiểm định; ngày cấp; ngày hết hạn;

đ) Thông tin về người: họ tên; ngày sinh; số định danh cá nhân, hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (áp dụng đối với người nước ngoài), nơi cư trú, giới tính (nam, nữ), quốc tịch, dân tộc, nghề nghiệp, số điện thoại (nếu có); tình trạng thương tích; người điều khiển phương tiện, người liên quan; người bị nạn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

e) Thông tin hồ sơ về vụ tai nạn: biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; biên bản lấy lời khai; tài liệu chứng minh hậu quả thiệt hại; tài liệu liên quan đến phương tiện và người điều khiển phương tiện; các tài liệu khác có liên quan;

g) Thông tin về diễn biến, nguyên nhân, điều kiện xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ.

8. Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ, hình ảnh người lái xe

a) Thông tin về phương tiện: biển số xe; loại xe; màu sơn; nhãn hiệu; số loại; năm sản xuất; giấy chứng nhận kiểm định; ngày cấp; ngày hết hạn; chủ sở hữu;

b) Thông tin về hành trình: thời gian hành trình; lộ trình; tốc độ; quãng đường; vị trí phương tiện (GPS);

c) Thông tin về người lái xe: họ, tên; ngày sinh; địa chỉ; giấy phép lái xe; ảnh người lái xe; lịch sử vi phạm của lái xe;

d) Thông tin về vi phạm và sự cố: Hành vi vi phạm giao thông; sự cố và tai nạn; biện pháp xử lý;

đ) Thông tin về điều kiện giao thông: tình trạng giao thông; thời tiết;

e) Các thông tin khác: dữ liệu từ cảm biến trên xe.

9. Cơ sở dữ liệu về quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe: thời gian; đơn vị kinh doanh vận tải; biển số xe; họ tên lái xe; số giấy phép lái xe; loại hình hoạt động; thời điểm bắt đầu; thời điểm kết thúc; thời gian lái xe.

Điều 7. Thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ Cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng.

đgc

2. Thông tin quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài Chính.

3. Thông tin quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

4. Thông tin quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Y tế.

5. Thông tin quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu bảo hiểm của Bộ Tài chính.

6. Thông tin quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp.

7. Thông tin quy định tại khoản 7 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

8. Thông tin quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải.

9. Thông tin quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải.

Điều 8. Cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

- a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, chuyên ngành;
- b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông chưa đầy đủ, chính xác;

dg

c) Từ các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

2. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu trật tự, an toàn giao thông và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Kinh phí cho Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương, kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

2. Đối với nhiệm vụ giao cho Bộ Công an, kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí an toàn giao thông và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Các hình thức khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ gồm:

a) Trên mạng internet;

b) Qua cổng thông tin điện tử do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định;

c) Qua mạng chuyên dùng;

d) Thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

đ) Bằng hợp đồng giữa cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và bên khai thác, sử dụng dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng khai thác và sử dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền;

b) Cá nhân, tổ chức có tài khoản định danh điện tử, tài khoản định danh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và các ứng dụng nghiệp vụ của Bộ Công an có quyền khai thác một số thông tin liên quan đến giao thông đường bộ.

Điều 11. Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ với các cơ sở dữ liệu khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước và các quy định khác có liên quan.

Điều 12. Quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Công an quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo thẩm quyền và thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp được cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ có thẩm quyền đồng ý.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

Chương III

QUẢN LÝ, LẮP ĐẶT, SỬ DỤNG TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHÁT TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN

Điều 14. Đối tượng lắp đặt, sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên

1. Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy.

2. Xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, gồm: Xe quân sự đi thực hiện nhiệm vụ chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, chỉ huy tác chiến, thông tin làm nhiệm vụ hoả tốc, chỉ huy đoàn hành quân, xe làm nhiệm vụ kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự, bảo vệ đoàn; xe thực hiện nhiệm vụ bắt, khám xét hoặc thực hiện các hoạt động điều tra, dẫn giải can phạm, phạm nhân, tham gia phòng, chống khủng bố.

3. Xe Công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, gồm: Xe Cảnh sát giao thông dẫn đường, xe Cảnh sát giao thông đi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông; xe đi làm nhiệm vụ Cảnh vệ; xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ; xe đi làm nhiệm vụ bắt, khám xét hoặc tiến hành các hoạt động điều tra, dẫn giải can phạm, phạm nhân, chống biểu tình, bạo loạn, giải tán đám đông gây rối trật tự công cộng; xe chỉ huy tác chiến chống khủng bố; xe thông tin làm nhiệm vụ hoả tốc; xe chỉ huy đoàn hành quân.

4. Xe kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, gồm: Xe đi làm nhiệm vụ bắt, khám xét hoặc tiến hành các hoạt động điều tra, dẫn giải can phạm, phạm nhân.

5. Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu: Xe chở bệnh nhân cấp cứu, đi đón bệnh nhân cấp cứu.

6. Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe đi làm nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xe đi làm nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh.

dg

7. Xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật, gồm: Xe phục vụ Ban chỉ đạo giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai thi hành Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp; xe phục vụ các lực lượng cứu nạn, cứu hộ, y tế, bảo vệ môi trường, nông nghiệp và các lực lượng khác được huy động thi hành các biện pháp đặc biệt khi tình trạng khẩn cấp được ban bố.

Điều 15. Tín hiệu của các loại xe ưu tiên

1. Tín hiệu của xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ, còi phát tín hiệu ưu tiên.

2. Tín hiệu của xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ, còi hiệu quân sự; còi phát tín hiệu ưu tiên.

3. Tín hiệu của xe công an, xe kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp

a) Xe ô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh và đỏ, còi phát tín hiệu ưu tiên;

b) Xe mô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh, còi phát tín hiệu ưu tiên.

4. Tín hiệu của xe Cảnh sát giao thông dẫn đường, xe Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông (loại từ 04 chỗ đến 07 chỗ)

a) Xe ô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh và đỏ, còi hiệu công an, còi phát tín hiệu ưu tiên;

b) Xe mô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh, còi hiệu công an; còi phát tín hiệu ưu tiên.

5. Tín hiệu của xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ, còi phát tín hiệu ưu tiên.

6. Tín hiệu của xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh, xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh.

Điều 16. Sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên

1. Xe ưu tiên khi lắp đặt thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên phải có Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng xe ưu tiên; chỉ sử dụng tín hiệu ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ theo quy định; có sổ theo dõi, thống kê xe ưu tiên thuộc quyền quản lý theo mẫu số 02d Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Quy định về thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên (sau đây viết gọn là thiết bị ưu tiên) gồm đèn phát tín hiệu ưu tiên, còi phát tín hiệu ưu tiên, cờ hiệu ưu tiên. Yêu cầu kỹ thuật còi, đèn phát tín hiệu ưu tiên, cờ hiệu ưu tiên quy định tại phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Lắp đặt thiết bị ưu tiên phải đúng vị trí. Căn cứ kích thước của từng loại xe để xác định vị trí lắp đặt cho phù hợp, kể cả các loại xe được lắp đặt thiết bị ưu tiên cố định hoặc được lắp trong trường hợp đột xuất. Tín hiệu còi, đèn của xe ưu tiên khi phát ra phải đủ tiêu chuẩn về âm thanh và ánh sáng để người và các phương tiện tham gia giao thông nhận biết được:

a) Xe ô tô: đèn phát tín hiệu ưu tiên lắp trên nóc xe, phía trên người lái; còi phát tín hiệu ưu tiên lắp ở trong xe hoặc trên nóc xe; cờ hiệu lắp ở đầu xe phía bên trái của người lái xe;

b) Xe mô tô: đèn phát tín hiệu ưu tiên lắp ở càng xe bên phải, phía trước hoặc phía sau; còi phát tín hiệu ưu tiên lắp ở phía trước đầu xe; cờ hiệu lắp ở đầu xe phía bên trái của người lái xe.

3. Đối với xe công an, xe kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, khi lắp đặt đèn quay hoặc đèn chớp trên nóc xe ô tô thì phần đèn phát sáng màu đỏ ở phía bên trái, phần đèn phát sáng màu xanh ở phía bên phải của người lái xe.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị ưu tiên phải đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định; thiết bị ưu tiên phải đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị định này; chỉ được bán cho tổ chức, cá nhân có Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; phải có sổ theo dõi ghi rõ và thống kê cụ thể, đầy đủ số lượng, chủng loại thiết bị ưu tiên đã sản xuất, nhập khẩu; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân mua thiết bị ưu tiên; chấp hành việc kiểm tra và xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Cơ quan, tổ chức gửi 01 hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền, gồm các giấy tờ sau:

a) Văn bản đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo mẫu số 02b Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này;

b) Tờ khai đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo mẫu số 02c Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này;

c) Tài liệu chứng minh cơ quan, tổ chức được sử dụng tín hiệu ưu tiên thuộc các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Đối với xe cứu thương, ngoài hồ sơ theo khoản 1 Điều này, phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về xe cứu thương, được cấp phép hoạt động theo quy định của Bộ Y tế mới được cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

3. Trường hợp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên bị hư hỏng, bị mất hoặc hết thời hạn sử dụng, cơ quan, tổ chức làm thủ tục đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên. Hồ sơ cấp đổi, cấp lại gồm văn bản đề nghị theo mẫu số 02b Phụ lục 02 và tờ khai theo mẫu số 02c Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên thực hiện trên Cổng dịch vụ công. Trong trường hợp không thực hiện được qua Cổng dịch vụ công, có thể gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý theo quy định.

2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho cơ quan, tổ chức, các nhân quản lý xe ưu tiên; trường hợp không đủ điều kiện cấp phép thì cơ quan có thẩm quyền trả lời trực tiếp, trả lời qua Cổng dịch vụ công hoặc có văn bản thông báo lý do.

3. Đối với xe phục vụ các lực lượng cứu nạn, cứu hộ, y tế, bảo vệ môi trường, nông nghiệp và các lực lượng khác được huy động thi hành các biện pháp đặc biệt khi tình trạng khẩn cấp được ban bố, thực hiện việc cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo thủ tục như sau: Cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên đến cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, cấp Giấy phép theo đề nghị, đồng thời gửi thông báo kết quả cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý.

4. Việc nhận Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc nhận tại cơ quan cấp phép theo nhu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Các trường hợp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm nhập thông tin, kết quả vào cơ sở dữ liệu về đăng ký xe.

Điều 20. Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Hình thức, nội dung Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo mẫu số 02a Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này; có mã hai chiều (QR code) để đọc, giải mã thông tin giấy phép và liên kết với hệ thống thông tin quản lý về đăng ký xe.

2. Thời hạn sử dụng Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên được cấp trong thời gian xe được sử dụng đi làm nhiệm vụ khẩn cấp của cơ quan đề nghị cấp phép, nhưng không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp và không được quá ngày hết niên hạn sử dụng của phương tiện.

Điều 21. Thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Các trường hợp thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên:

- a) Xe ưu tiên bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng;
- b) Xe ưu tiên đã chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý;
- c) Giấy phép cấp không đúng đối tượng, hết thời hạn sử dụng;
- d) Sử dụng tín hiệu xe ưu tiên không đúng mục đích, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải giao nộp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép; cơ quan tiếp nhận, tiến hành thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo quy định.

3. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm về lắp đặt, sử dụng thiết bị ưu tiên, sử dụng Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên hết hạn sử dụng, Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên không do cơ quan có thẩm quyền cấp phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm tháo gỡ, lập biên bản tịch thu thiết bị ưu tiên, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và thông báo cho đơn vị chủ quản biết, phối hợp quản lý.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên; cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý, sử dụng xe ưu tiên; lắp đặt, sử dụng tín hiệu ưu tiên; việc kinh doanh thiết bị ưu tiên theo quy định; phân cấp thực hiện cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho các cơ quan, tổ chức, trừ xe ưu tiên thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, như sau:

a) Cục Cảnh sát giao thông cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên thuộc các bộ, ngành ở Trung ương; thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên do Phòng Cảnh sát giao thông, hoặc Công an huyện, quận, thị xã, thành phố Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

b) Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh;

c) Công an huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện có trụ sở đóng trên địa bàn huyện.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị ưu tiên đối với xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; tổ

chức cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, quản lý việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị ưu tiên theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với Bộ Công an xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến lĩnh vực này.

4. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng xe ưu tiên, việc lắp đặt và sử dụng thiết bị ưu tiên đối với phương tiện thuộc quyền quản lý; xử lý nghiêm cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý vi phạm quy định về lắp đặt, sử dụng thiết bị ưu tiên thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THÔNG MINH, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA XE THÔ SƠ VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH, THIẾT BỊ GHI NHẬN HÌNH ẢNH NGƯỜI LÁI XE

Điều 23. Thẩm quyền cấp phép hoạt động của phương tiện giao thông thông minh

1. Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an cấp phép hoạt động của phương tiện giao thông thông minh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động

- a) Đơn đề nghị cấp phép hoạt động (theo mẫu);
- b) Bản sao Chứng nhận đăng ký xe theo quy định của pháp luật;
- c) Bản sao Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông thông minh theo quy định của pháp luật;
- d) Tài liệu chứng minh là phương tiện giao thông thông minh theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện gửi trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và đưa phương tiện đến cơ quan cấp phép hoạt động để kiểm tra, đối chiếu;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh (theo mẫu) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan cấp phép hoạt động thông báo lý do và hướng dẫn chủ sở hữu hoàn thiện hồ sơ, thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết.

4. Thu hồi Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh

a) Phương tiện giao thông thông minh bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau: Hết niên hạn sử dụng hoặc không được phép lưu hành; hỏng không sử dụng được; đã cấp phép hoạt động nhưng phát hiện hồ sơ bị làm giả; bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ sở hữu đề nghị thu hồi Giấy phép hoạt động; Giấy phép hoạt động cấp không đúng quy định của pháp luật;

b) Việc thu hồi Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động thực hiện;

c) Chủ sở hữu khai Giấy khai thu hồi Giấy phép hoạt động (theo mẫu) và gửi trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích Giấy khai thu hồi, Giấy phép hoạt động (bản chính) đến cơ quan cấp phép hoạt động; trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép hoạt động cấp giấy thu hồi giấy phép hoạt động của phương tiện giao thông thông minh.

Điều 24. Điều kiện hoạt động của xe thô sơ

1. Các loại xe thô sơ được quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có hệ thống hãm, có hiệu lực;
- b) Có bộ phận phát âm thanh cảnh báo (còi, chuông);
- c) Có đèn chiếu sáng hoặc tấm phản quang ở phía trước, phía sau.

2. Các loại xe thô sơ được quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 34 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ, khi tham gia giao thông vào ban đêm phải có tấm phản quang hoặc đèn cảnh báo.

Điều 25. Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 54 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Thiết bị giám sát hành trình phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và đảm bảo hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

3. Thiết bị giám sát hành trình phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây:

a) Lưu trữ và truyền dẫn các thông tin gồm: hành trình, tốc độ vận hành, thời gian lái xe liên tục và các thông tin, dữ liệu khác về hệ thống quản lý dữ liệu giám sát hành trình của Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông);

b) Thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông để phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, quản lý nhà nước về vận tải đường bộ và được kết nối, chia sẻ với Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam) và các cơ quan có liên quan.

4. Cục Cảnh sát giao thông lưu trữ dữ liệu vi phạm của các phương tiện trong thời gian 01 năm.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị hoạt động cứu thương, đơn vị cứu hộ giao thông thực hiện duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông để đảm bảo cung cấp được các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

6. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị hoạt động cứu thương, đơn vị cứu hộ giao thông và lái xe kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động, phá (hoặc làm nhiễu) sóng GPS, GSM hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên xe ô tô kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông. Trước khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, lái xe phải sử dụng thẻ nhận dạng lái xe của mình để đăng nhập thông tin qua đầu đọc thẻ của thiết bị giám sát hành trình của xe và đăng xuất khi kết thúc lái xe để làm cơ sở xác định thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc trong ngày.

Điều 26. Lắp đặt thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông

1. Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, cứu hộ giao thông phải lắp

đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và thiết bị ghi nhận hình ảnh của người lái xe. Việc lắp đặt thiết bị ghi nhận hình ảnh phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Ghi, lưu trữ hình ảnh người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

b) Hình ảnh từ thiết bị ghi nhận hình ảnh lắp trên xe phải được truyền với tần suất truyền từ 12 đến 20 lần/giờ (tương đương từ 3 đến 5 phút/lần truyền dữ liệu) về đơn vị kinh doanh vận tải và được lưu trữ trong thời gian tối thiểu 72 giờ gần nhất; dữ liệu hình ảnh phải được cung cấp kịp thời, chính xác, không được chỉnh sửa hoặc làm sai lệch trước, trong và sau khi truyền;

c) Thiết bị ghi nhận hình ảnh phải được duy trì hoạt động để đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh liên tục, không làm gián đoạn theo quy định.

2. Thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và đảm bảo hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

3. Đơn vị kinh doanh vận tải, quản lý xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, cứu hộ giao thông phải cung cấp tài khoản truy cập vào máy chủ cho Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông), Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam) để phục vụ quản lý nhà nước về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông đường bộ và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, cứu hộ giao thông phải tuân thủ quy định về an toàn thông tin đối với các thông tin dữ liệu ghi nhận từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh của người lái xe theo quy định pháp luật.

Điều 27. Màu sơn của xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải chở trẻ em mầm non, học sinh được quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ phải được

son màu vàng đậm phủ bên ngoài thân xe; mặt trước và hai cạnh bên xe phía trên cửa sổ phải có biển báo dấu hiệu nhận biết là xe chuyên dùng chở trẻ em mầm non, học sinh.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải kết hợp với hoạt động đưa đón trẻ em mầm non, học sinh được quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ phải có biển báo dấu hiệu nhận biết là xe chở trẻ em mầm non, học sinh đặt ở mặt trước và hai cạnh bên xe phía trên cửa sổ.

Điều 28. Hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích; xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ

1. Các trường hợp tổ chức, cá nhân được giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải bố trí người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác và thực hiện hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ gồm:

a) Khi lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ có một trong các kích thước bao ngoài của phương tiện, bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện như sau: Chiều rộng lớn hơn 3,5 mét; chiều dài lớn hơn 25 mét;

b) Khi lưu hành xe qua vị trí công trình đường bộ phải gia cường, đoạn đường bộ bị che khuất tầm nhìn, đoạn đường hai chiều mà mỗi chiều chỉ có một làn xe chạy hoặc đoạn đường một chiều có một làn xe chạy mà các phương tiện khác khó tránh, vượt xe;

c) Khi lưu hành xe trên các đoạn đường đang bị hư hỏng, xuống cấp, sù có bất khả kháng.

2. Trường hợp cần thiết tổ chức, cá nhân lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng quy định tại khoản 1 Điều này có văn bản đề nghị cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý tuyến, địa bàn hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông.

Chương V

BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐỐI VỚI XE Ô TÔ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐĂNG KÝ TẠI NƯỚC NGOÀI CÓ TAY LÁI BÊN PHẢI THAM GIA GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM; XE CƠ GIỚI NƯỚC NGOÀI DO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM DU LỊCH

Điều 29. Điều kiện để phương tiện cơ giới nước ngoài và người nước ngoài điều khiển phương tiện vào tham gia giao thông tại Việt Nam

1. Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch (sau đây viết gọn là phương tiện cơ giới nước ngoài) gồm: Xe ô tô chở người có tay lái ở bên phải hoặc có tay lái ở bên trái chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô nhà ở lưu động; xe mô tô hai bánh.

2. Điều kiện chung đối với người điều khiển và phương tiện cơ giới nước ngoài vào Việt Nam

a) Phải thông qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam làm thủ tục đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam;

b) Có văn bản chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam của Bộ Công an cấp.

3. Điều kiện đối với phương tiện cơ giới nước ngoài

a) Là phương tiện cơ giới đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có Giấy đăng ký xe và gắn biển số xe do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp và còn hiệu lực;

c) Có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp còn hiệu lực (đối với xe ô tô);

d) Đối với phương tiện cơ giới nước ngoài là xe ô tô có tay lái ở bên phải: có công hàm của Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam gửi Bộ Công an đề nghị và nêu rõ lý do cho phương tiện tham gia giao thông tại Việt Nam;

đ) Phải làm thủ tục hải quan, tạm nhập, tái xuất theo quy định của pháp luật hải quan ngay tại cửa khẩu nhập cảnh, xuất cảnh;

e) Chỉ được tạm nhập, tái xuất qua các cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt, đường hàng không; phải tạm nhập, tái xuất theo đúng cửa khẩu đã được Bộ Công an chấp thuận;

g) Thời gian được phép tham gia giao thông tại Việt Nam tối đa không quá 45 ngày. Trường hợp người nước ngoài, phương tiện cơ giới nước ngoài không thể ra khỏi lãnh thổ Việt Nam do xảy ra sự kiện khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục ngay được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép thì được lưu lại Việt Nam thêm không quá 10 ngày và phải thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định này.

3. Điều kiện đối với người điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài

a) Là người nước ngoài;

b) Có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực, giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực thì hộ chiếu phải còn thời hạn sử dụng ít nhất 06 tháng; người nước ngoài sử dụng thị thực điện tử phải nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế do Chính phủ quyết định;

c) Có Giấy phép lái xe do nước ngoài cấp phù hợp với loại xe điều khiển và còn hiệu lực;

d) Phải làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 30. Trình tự, thủ tục chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam gửi đến Bộ Công an 01 bộ hồ sơ theo một trong các hình thức sau: Trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính. Hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

a) Công văn đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam theo mẫu số 03a Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách người điều khiển phương tiện theo mẫu số 03b Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế lần đầu xin chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam).

2. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công an có văn bản trả lời việc chấp thuận hoặc không chấp thuận (nêu rõ lý do) việc phương tiện cơ giới nước ngoài tham gia giao thông tại Việt Nam. Văn bản chấp thuận theo mẫu số 03c, văn bản không chấp thuận theo mẫu số 03g Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này và được trả trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc qua đường bưu chính.

3. Văn bản chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam được Bộ Công an thông báo đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan để phối hợp quản lý.

4. Đối với trường hợp phương tiện xuất cảnh chậm so với thời gian trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 29 Nghị định này.

a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phải có văn bản gửi đến Bộ Công an báo cáo về lý do phương tiện xuất cảnh chậm so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an theo mẫu số 03đ Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này và được gửi trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc qua đường bưu chính;

b) Sau khi nhận được văn bản báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Bộ Công an có văn bản trả lời doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, đồng thời gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan để phối hợp quản lý theo mẫu số 03e Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này.

5. Bộ Công an xem xét từ chối chấp thuận hoặc đình chỉ việc doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam du lịch đối với các trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này;

b) Lợi dụng việc vào Việt Nam du lịch, mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào để chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Nhân thân khách du lịch nước ngoài hoặc hoạt động, lộ trình tuyến đường, thời gian hoạt động của khách du lịch nước ngoài có nguy cơ ảnh hưởng đến bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

d) Người nước ngoài vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc các vi phạm pháp luật khác mà chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc các vi phạm pháp luật khác;

đ) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế vi phạm các quy định tại Điều 33 Nghị định này. Trường hợp doanh nghiệp đã vi phạm, nhưng chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm thì xem xét việc không chấp thuận cho doanh nghiệp tiếp tục tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Điều 31. Quy định đối với người điều khiển và phương tiện cơ giới nước ngoài khi tham gia giao thông tại Việt Nam

1. Phải có phương tiện đi trước để hướng dẫn giao thông cho phương tiện cơ giới nước ngoài trong quá trình tham gia giao thông tại Việt Nam. Phương tiện hướng dẫn giao thông là xe ô tô (nếu khách du lịch điều khiển xe ô tô) hoặc xe mô tô (nếu khách du lịch điều khiển xe mô tô) do doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam bố trí và phải được gắn logo nhận diện hoặc cắm cờ có biểu tượng của doanh nghiệp đó.

Đgc

2. Chỉ được tham gia giao thông trên các tuyến đường trong phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh và thời gian lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định tại văn bản chấp thuận của Bộ Công an.

3. Khi điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài tham gia giao thông, người điều khiển phải chấp hành đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ của Việt Nam; mang theo và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các giấy tờ sau:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam;

b) Giấy phép lái xe do nước ngoài cấp phù hợp với loại xe điều khiển và còn hiệu lực;

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp còn hiệu lực (đối với xe ô tô);

d) Giấy đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp và còn hiệu lực;

đ) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới có giá trị tại Việt Nam;

e) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất.

Điều 32. Xử lý vi phạm đối với người nước ngoài điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài

Người điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 33. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam

1. Thực hiện đúng các quy định về nhập cảnh, xuất cảnh đối với người và phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2. Tổ chức thực hiện việc đưa phương tiện cơ giới nước ngoài tham gia giao thông tại Việt Nam và đưa phương tiện cơ giới nước ngoài ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định.

dg

3. Chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong quá trình phương tiện cơ giới nước ngoài tham gia giao thông tại Việt Nam. Quản lý người nước ngoài hoạt động theo đúng chương trình đã đăng ký; phối hợp khai báo tạm trú khi khách du lịch nghỉ đêm trên phương tiện.

4. Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình du lịch, có văn bản báo cáo Bộ Công an về quá trình tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện giao thông cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch theo mẫu số 03h Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này.

5. Chịu trách nhiệm xử lý và giải quyết các chi phí phát sinh do vi phạm của người điều khiển xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải; phương tiện giao thông cơ giới nước ngoài gây ra trong quá trình tham gia giao thông tại Việt Nam.

6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giấy tờ, thông tin của người điều khiển và phương tiện cơ giới nước ngoài tại công văn gửi Bộ Công an và giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này.

Điều 34. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài điều khiển vào tham gia giao thông tại Việt Nam với mục đích du lịch

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc chấp thuận, từ chối, đình chỉ doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam du lịch hoặc yêu cầu thay đổi thời gian, tuyến đường, tốc độ phù hợp đối với phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam để đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

b) Kiểm tra, xử lý vi phạm về quy định đối với xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải, xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;

c) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính trong việc giải quyết các thủ tục tạm nhập, tái xuất đối với phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

đgc

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân liên quan đưa phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính tổ chức, quản lý hoạt động phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam;

c) Cấp phép, quản lý hoạt động của các công ty lữ hành quốc tế, nhất là các công ty trực tiếp triển khai loại hình du lịch phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam; phối hợp với các đơn vị, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu xây dựng các tour, tuyến, cung đường di chuyển bằng đường bộ cho khách du lịch nước ngoài góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn quá trình di chuyển của khách.

3. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì tổ chức kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; thực hiện thủ tục biên phòng, cấp, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thị thực, cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh theo quy định pháp luật về xuất nhập cảnh; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu giám sát phương tiện thực hiện thủ tục tạm nhập, tái xuất theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong việc làm thủ tục tạm nhập, tái xuất phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật hải quan.

5. Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc tổ chức, quản lý hoạt động của phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý, kiểm tra hoạt động của phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam theo đúng quy định của Nghị định này; thông báo đến Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải về các sự cố

liên quan đến phương tiện cơ giới nước ngoài và người nước ngoài khi tham gia giao thông tại Việt Nam.

Chương VI

NGUỒN HÌNH THÀNH, HOẠT ĐỘNG CHI, THÀNH LẬP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ GIẢM THIỂU THIỆT HẠI TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 35. Nguồn tài chính, nội dung chi của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

1. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ được hình thành từ các nguồn tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các nguồn thu lãi từ tài khoản tiền gửi của Quỹ; tồn dư Quỹ từ năm trước được chuyển sang năm sau.

2. Hoạt động chi theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

a) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân bị tai nạn giao thông, gia đình có nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng: chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng đối với 01 người chết; không quá 05 triệu đồng đối với 01 người bị thương nặng;

b) Chi thăm hỏi không quá 05 triệu đồng đối với 01 nạn nhân bị thương nặng, gia đình có nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông đường bộ có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”;

c) Chi hỗ trợ không quá 02 triệu đồng cho tổ chức, cá nhân có thành tích giúp đỡ, cứu chữa, đưa người bị tai nạn giao thông đường bộ đi cấp cứu và được cơ quan quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông từ cấp huyện trở lên khen thưởng;

d) Chi hỗ trợ không quá 05 triệu đồng cho tổ chức, cá nhân thường xuyên tham gia tuyên truyền giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được nhà nước đảm bảo kinh phí và được cơ quan quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông từ cấp huyện trở lên khen thưởng.

đgc

Điều 36. Thành lập Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

1. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ do Bộ trưởng Bộ Công an thành lập và giao Cục Cảnh sát giao thông trực tiếp huy động, tiếp nhận quản lý, sử dụng.

2. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 37. Nhiệm vụ của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.
2. Thực hiện các hoạt động chi hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định này.
3. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.
4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông là chủ tài khoản và quyết định thành lập Ban quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; quy chế hoạt động của Ban quản lý Quỹ.

2. Ban quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Chế độ tài chính: hằng năm, Ban quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ lập kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động, kế hoạch thu, kế hoạch chi tài chính trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định; lập

báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán;

b) Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính: thực hiện công tác hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì có giá trị theo thời hạn ghi trên giấy phép; khi giấy phép hết hạn sử dụng, bị mất, bị hỏng không còn sử dụng được, thay đổi thông tin ghi trên giấy phép thì thực hiện việc cấp đổi, cấp lại theo quy định tại Chương III của Nghị định này.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Nghị định số 109/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 quy định tín hiệu của xe được quyền ưu tiên và Nghị định số 30/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài đưa vào Việt Nam dun lịch hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Minh Chính

dgz

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).

Phụ lục 01
YÊU CẦU KỸ THUẬT CÒI, ĐÈN PHÁT TÍN HIỆU ƯU TIÊN
 (Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

1. Yêu cầu kỹ thuật còi phát tín hiệu ưu tiên

a) Đối với xe ô tô

TT	Loại xe được quyền ưu tiên	Tần số điều chế (Hz)	Công suất ra (W)	Cường độ âm thanh (dB)	Chu kỳ còi phát ra (lần/phút)	Chế độ còi ưu tiên
1	Xe chữa cháy	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	90 ± 10%	WAIL
2	Xe quân sự làm nhiệm vụ khẩn cấp	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	180 ± 10%	YELP
3	Xe Công an làm nhiệm vụ khẩn cấp	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	120 ± 10%	SIREN
4	Xe kiểm sát làm nhiệm vụ khẩn cấp	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	180 ± 10%	WOOP
5	Xe Cảnh sát giao thông dẫn đường	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	210 ± 10%	PIERCER
6	Xe cứu thương	500 ÷ 1600	100 ÷ 200	125 ÷ 135	60 ± 10%	HI-LO

b) Đối với xe mô tô

TT	Loại xe ưu tiên	Tần số điều chế (Hz)	Công suất ra (W)	Cường độ âm thanh (dB)	Chu kỳ còi phát ra (lần/phút)	Chế độ còi ưu tiên
1	Xe chữa cháy	500 ÷ 1600	50 ± 10%	120 ÷ 125	90 ± 10%	WAIL
2	Xe quân sự làm nhiệm vụ khẩn cấp	500 ÷ 1600	50 ± 10%	120 ÷ 125	180 ± 10%	YELP
3	Xe Công an làm nhiệm vụ khẩn cấp	500 ÷ 1600	50 ± 10%	120 ÷ 125	120 ± 10%	SIREN
4	Xe Cảnh sát giao thông dẫn đường	500 ÷ 1600	50 ± 10%	120 ÷ 125	210 ± 10%	PIERCER

2. Yêu cầu kỹ thuật đèn phát tín hiệu ưu tiên

a) Đối với xe ô tô

TT	Loại xe ưu tiên	Màu sắc	Đèn đơn		Đèn kép		Tốc độ quay của chao đèn hoặc tần số chớp (vòng hoặc lần/phút)
			Công suất (W)	Cường độ sáng (cd)	Công suất (W)	Cường độ sáng (cd)	
1	Xe chữa cháy	Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
2	Xe quân sự làm nhiệm vụ khẩn cấp	Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
3	Xe Công an làm nhiệm vụ khẩn cấp	Xanh – Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
4	Xe kiểm sát làm nhiệm vụ khẩn cấp	Xanh – Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
5	Xe Cảnh sát giao thông dẫn đường	Xanh – Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
6	Xe cứu thương	Đỏ	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240
7	Xe đi làm trong tình trạng khẩn cấp khác	Xanh	18,9 ÷ 60,5	≥ 10,8	36 ÷ 280	≥ 21,6	60 ÷ 240

b) Đối với xe mô tô

TT	Loại xe ưu tiên	Màu sắc	Đèn đơn		Tốc độ quay của chao đèn hoặc tần số chớp (vòng hoặc lần/phút)
			Công suất (W)	Cường độ sáng (cd)	
1	Xe chữa cháy	Đỏ	16 ÷ 60,5	≥ 10,8	60 ÷ 240
2	Xe quân sự làm nhiệm vụ khẩn cấp	Đỏ	16 ÷ 60,5	≥ 10,8	60 ÷ 240
3	Xe Công an làm nhiệm vụ khẩn cấp	Xanh – Đỏ	16 ÷ 60,5	≥ 10,8	60 ÷ 240
4	Xe Cảnh sát giao thông dẫn đường	Xanh – Đỏ	16 ÷ 60,5	≥ 10,8	60 ÷ 240

c) Loại đèn và hình dạng

TT	Loại đèn	Hình dạng
1	Đèn đơn	Đèn phát tín hiệu ưu tiên dạng hình tròn Đèn phát tín hiệu ưu tiên dạng hình trụ
2	Đèn kép	Đèn phát tín hiệu ưu tiên dạng hộp chữ nhật có từ 02 cụm đèn trở lên

3. Yêu cầu kỹ thuật cờ hiệu ưu tiên

a) Cờ hiệu ưu tiên của xe quân sự

Cờ hình tam giác cân, cạnh đáy rộng 23 cm, đường cao 37 cm, nền cờ màu đỏ, giữa cờ có hình quân hiệu và mũi tên màu vàng, hai bên cạnh có tua vàng dài 3,5 cm; cán cờ cao 50 cm, đường kính cán cờ 1,5 cm.

b) Cờ hiệu ưu tiên của xe công an

Cờ hình tam giác cân, cạnh đáy rộng 27 cm, đường cao 37 cm, hai cạnh bên may tua màu vàng dài 4 cm, nền cờ màu xanh lục, giữa nền cờ thêu hình mũi tên dài 23,5 cm, đầu mũi tên dài 5 cm rộng 3 cm, bản mũi tên rộng 0,5 cm, đầu mũi tên cách đường may nẹp luôn cán cờ 2 cm, giữa thân mũi tên thêu hình Công an hiệu, mũi tên và Công an hiệu màu vàng; cán cờ cao 50 cm, đường kính cán cờ 1,5 cm.

Phụ lục 02
CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHÁT TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của
Chính phủ)

Mẫu số 02a	Mẫu “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”
Mẫu số 02b	Văn bản đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”
Mẫu số 02c	Tờ khai đề nghị cấp “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”
Mẫu số 02d	Bảng thống kê, theo dõi quản lý xe ưu tiên

Mẫu số 02a. Mẫu “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”

1. Mặt trước

.....(1).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	QR code
.....(2).....	<u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>	
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHÁT TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN		
Cấp cho xe ô tô (mô tô), biển số xe:.....		
Tên cơ quan, đơn vị quản lý:.....		
Số giấy đăng ký xe:..... Nhãn hiệu xe:..... Màu sơn:.....		
Số khung:..... Số máy:.....		
Loại xe ưu tiên:.....(3).....		
Tín hiệu ưu tiên:.....(4).....		
....., ngày..... tháng..... năm..... Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu)		
Số giấy phép:		
Có giá trị đến:.....		

2. Mặt sau

1. Xe ưu tiên khi tham gia giao thông phải mang theo giấy này.
2. Tín hiệu ưu tiên chỉ được sử dụng khi đi làm nhiệm vụ theo quy định.
3. Khi có thay đổi về xe thì phải giao nộp lại Giấy phép cho cơ quan cấp.
4. Không sử dụng Giấy phép sai mục đích.

Ghi chú:

- (1): Cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép.
- (2): Cơ quan cấp giấy phép.
- (3): Ghi rõ loại xe ưu tiên theo quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông năm 2024.
- (4): Ghi tín hiệu ưu tiên mà phương tiện này được sử dụng.

Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên: kích thước 85,6x53,98 mm, in trên nền giấy màu hồng, hoa văn hình Quốc huy; dòng chữ “GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHÁT TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN” màu đỏ.

Mẫu số 02b. Văn bản đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp đổi/cấp lại
Giấy phép sử dụng thiết bị phát
tín hiệu của xe ưu tiên

Kính gửi: (3).....

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, đối chiếu với các quy định tại Nghị định số/...../ND-CP ngày/.../..... của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TTATGT đường bộ,(2)..... đề nghị(3)..... cấp/cấp đổi/cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên cho(4)..... xe ô tô (mô tô) biển số xe: để phục vụ công tác(5).....

Lý do cấp đổi/cấp lại:

Xin gửi kèm theo:.....(6).....

Địa chỉ, số điện thoại liên hệ, phối hợp:.....(7).....

Đề nghị.....(3)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan, tổ chức cấp trên (nếu có).
- (2): Tên cơ quan, tổ chức đề nghị xin cấp giấy phép.
- (3): Cơ quan cấp giấy phép.
- (4): Số lượng xe ô tô (mô tô) cần cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.
- (5): Mục đích sử dụng của xe ô tô (mô tô) cần lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.
- (6): Giấy tờ liên quan đi kèm (quy định tại Điều 8 Nghị định này).
- (7): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của người có trách nhiệm sẽ trực tiếp làm việc với cơ quan cấp giấy phép.

Mẫu số 02c. Tờ khai đề nghị cấp “Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP

“Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên”

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

Địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Người đại diện liên hệ cấp phép:

Số CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ email:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị cấp giấy phép cho ô tô/mô tô, biển số xe:.....

Mục đích sử dụng:.....

.....

Thời gian đề nghị:

.....

Tôi xin cam đoan nội dung khai trên là đúng; nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Khi thực hiện cấp phép qua Công dịch vụ công, điền thông tin Tờ khai theo các trường thông tin có sẵn theo hướng dẫn trên Dịch vụ công.

Mẫu số 02d. Bảng thống kê, theo dõi quản lý xe ưu tiên

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ, THEO DÕI QUẢN LÝ XE ƯU TIÊN

STT	Biển số xe	Loại xe		Giấy phép sử dụng thiết bị của xe ưu tiên		Mục đích sử dụng	Tình trạng phương tiện	Ghi chú
		Ô tô	Mô tô	Số giấy phép	Thời hạn sử dụng			
1								
2								
3								
..								

CÁN BỘ THỐNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan, tổ chức cấp trên (nếu có).
- (2): Tên cơ quan, tổ chức quản lý xe được quyền ưu tiên.

Phụ lục 03
CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CHẤP THUẬN ĐƯỢC TỔ CHỨC
CHO KHÁCH DU LỊCH NƯỚC NGOÀI MANG PHƯƠNG TIỆN CƠ
GIỚI NƯỚC NGOÀI VÀO THAM GIA GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của
Chính phủ)

Mẫu số 03a	Công văn đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam
Mẫu số 03b	Danh sách người và phương tiện cơ giới nước ngoài
Mẫu số 03c	Văn bản chấp thuận việc tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam
Mẫu số 03d	Văn bản không chấp thuận việc tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam
Mẫu số 03đ	Công văn gửi đến Bộ Công an báo cáo về lý do phương tiện xuất cảnh chậm (bất khả kháng) so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an
Mẫu số 03e	Văn bản chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối được xuất cảnh chậm phương tiện so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an
Mẫu số 03g	Văn bản trả lời không chấp thuận việc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế xuất cảnh chậm phương tiện so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an
Mẫu số 03h	Báo cáo Bộ Công an về quá trình tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch

Mẫu số 03a. Công văn đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH DỊCH VỤ LỮ
HÀNH QUỐC TẾ
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Công an

1. Tên đơn vị du lịch kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Số điện thoại của hướng dẫn viên, người điều khiển phương tiện hướng
dẫn giao thông của đơn
vị:.....
6. Đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang
phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.
 - a) Quốc gia của khách du lịch vào Việt Nam:.....
 - b) Số lượng phương tiện:.....
 - c) Số lượng khách du lịch:.....
 - d) Cửa khẩu nhập cảnh:.....
 - đ) Cửa khẩu xuất cảnh:.....
 - e) Ngày nhập cảnh:.....
 - g) Ngày xuất cảnh:.....
 - h) Lộ trình (hành trình) khách du lịch điều khiển phương tiện tham gia giao
thông tại Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh):
 - Ngày 1: Cửa khẩu nhập cảnh – Tuyến đường đi (quốc lộ, tỉnh lộ... thuộc
tỉnh, thành phố) – Nơi dừng nghỉ cuối ngày 1 (Địa chỉ dự kiến lưu trú).
 - Ngày 2: Tuyến đường đi (quốc lộ, tỉnh lộ... thuộc tỉnh, thành phố) – Nơi

dừng nghỉ cuối ngày 1 (Địa chỉ dự kiến lưu trú).

- Các ngày tiếp theo tham gia giao thông tại Việt Nam nội dung tương tự như Ngày 2.

- Ngày xuất cảnh: Tuyến đường đi (quốc lộ, tỉnh lộ... thuộc tỉnh, thành phố)
- Cửa khẩu xuất cảnh.

i) Phương tiện hướng dẫn giao thông khi tham gia giao thông (của đơn vị):
loại xe, biển số xe.

k) Danh sách chi tiết người điều khiển phương tiện, số giấy phép lái xe, nhãn hiệu phương tiện, biển số xe, màu sơn, số khung, số máy, số hiệu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp còn hiệu lực (đối với xe ô tô) theo Mẫu số 02 Phụ lục của Nghị định này (gửi kèm theo Công văn đề nghị này).

7. Biện pháp công ty thực hiện để bảo đảm an toàn:

- Bố trí xe hướng dẫn giao thông, hướng dẫn về pháp luật trật tự an toàn giao thông đường bộ cho khách khi vào tham gia giao thông để tham quan, du lịch;

- Bảo đảm khách du lịch thực hiện các quy định về an ninh, an toàn giao thông và các quy định khác có liên quan của pháp.

- Thực hiện nghiêm việc phòng chống các dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế và của địa phương nơi đoàn đến và đi qua.

Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các nội dung nêu trên và các quy định liên quan trong quá trình tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện vào tham gia giao thông tại Việt Nam để du lịch.

Đề nghị Bộ Công an xem xét, chấp thuận./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Công ty du lịch

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: trong trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thì ký số hợp lệ của tổ chức tại phần ký, ghi họ tên, đóng dấu theo quy định về ký số.

Mẫu số 03b. Danh sách người và phương tiện cơ giới nước ngoài

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH DỊCH VỤ LỮ
HÀNH QUỐC TẾ
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Công văn số..... đề nghị chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam)

Số TT	Tên khách du lịch điều khiển phương tiện	Số Hộ chiếu	Số Giấy phép lái xe	Biển số xe	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Số hiệu Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT đối với xe ô tô hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp còn hiệu lực	Ghi chú
1										
2										
3										
...										

* Ghi chú: trong trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thì ký số hợp lệ của tổ chức tại phần ký, ghi họ tên, đóng dấu theo quy định về ký số.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Công ty du lịch
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03c. Văn bản chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v: Chấp thuận việc tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Các Bộ: Ngoại giao; Quốc phòng; Giao thông vận tải; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Công an các đơn vị, địa phương:.....
- Công ty

Bộ Công an nhận được Công văn sốcủa Công tyvề việc đề nghị chấp thuận tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc Công ty tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam với các nội dung sau:

- Thời gian: Từ ngàyđến
- Số lượng xe, người:(Phụ lục kèm theo);
- Nhập cảnh: Cửa khẩu.....;
- Xuất cảnh: Cửa khẩu.....;
- Phạm vi và lộ trình: Cửa khẩu....- Tuyến đường..... - Cửa khẩu.

2. Công ty.... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung chấp thuận tại văn bản này và Công văn sốcủa Công ty

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đoàn khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam xuất cảnh, Công ty..... có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, gửi Bộ Công an theo quy định.

3. Công an các đơn vị, địa phương: thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm tra người nước ngoài và phương tiện cơ giới đăng ký tại nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch trong suốt quá trình lưu trú, hoạt động trên phạm vi và các tuyến đường thuộc địa bàn địa phương; phân công, bố trí lực lượng trực tiếp kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật. Khi đoàn kết thúc hoạt động trên địa bàn địa phương, có báo cáo kết quả kiểm tra gửi về Bộ Công an để theo dõi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố: ...(có lộ trình đoàn đi qua, nghỉ đêm tại Việt Nam);
- Cơ quan tham mưu thuộc Bộ:...
- Lưu VT,....

BỘ CÔNG AN

Mẫu số 03d. Văn bản không chấp thuận tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v: Không chấp thuận việc tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Các Bộ: Ngoại giao; Quốc phòng; Giao thông vận tải; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Công ty

Bộ Công an nhận được Công văn sốcủa Công tyvề việc đề nghị chấp thuận tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Không chấp thuận việc Công ty tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

2. Lý do không chấp thuận:.....

3. Công ty.... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại văn bản này của Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham mưu thuộc Bộ:...
- Lưu VT,....

BỘ CÔNG AN

Mẫu số 03đ. Công văn gửi đến Bộ Công an báo cáo về lý do phương tiện xuất cảnh chậm so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH DỊCH VỤ LỮ
HÀNH QUỐC TẾ
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Bộ Công an

1. Tên đơn vị du lịch kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax/Địa chỉ email:

Đã được Bộ Công an chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam tại Văn bản Số: /..... ngày ... tháng ... năm...

Nay do trường hợp bất khả kháng (ghi rõ trường hợp người, phương tiện cơ giới nước ngoài không thể ra khỏi lãnh thổ Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định. Cụ thể do: dịch bệnh, thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) vì vậy phương tiện không xuất cảnh được theo đúng thời gian đã được Bộ Công an chấp thuận.

Công ty..... đề nghị Bộ Công an cho phép thay đổi nội dung đã được chấp thuận tại Văn bản Số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an, như sau:

- a) Cửa khẩu xuất cảnh:.....
- b) Ngày xuất cảnh:.....
- c) Danh sách phương tiện xuất cảnh (liệt kê danh sách phương tiện xuất cảnh chậm trong danh sách phương tiện đã được chấp thuận tại Văn bản Số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an).

Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các nội dung nêu trên và các quy định liên quan trong thời gian phương tiện không xuất cảnh được vì lý do bất khả kháng.

Đề nghị Bộ Công an xem xét, chấp thuận./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Công ty du lịch

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03e. Văn bản trả lời doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với báo cáo về lý do phương tiện xuất cảnh chậm so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v: Chấp thuận việc điều chỉnh trong tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty

Bộ Công an nhận được Công văn sốcủa Công tyvề việc đề nghị cho phép thay đổi nội dung đã được chấp thuận tại Văn bản Số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc Công ty được thay đổi nội dung tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam so với Văn bản số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an theo như đề xuất tại Công văn sốcủa Công ty

2. Công ty.... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung chấp thuận tại văn bản này và Công văn sốcủa Công ty/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa TT&DL, Giao thông vận tải, Ngoại giao (để phối hợp quản lý);
- UBND các tỉnh, thành phố: ...có lộ trình đoàn đi qua, nghỉ đêm trong quá trình tham gia giao thông tại Việt Nam (để phối hợp quản lý);
- Cơ quan tham mưu thuộc Bộ:...
- Lưu VT,....

BỘ CÔNG AN

Mẫu số 03g. Văn bản trả lời không chấp thuận việc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế xuất cảnh chậm phương tiện so với thời gian quy định trong văn bản chấp thuận của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v: Không chấp thuận việc điều chỉnh trong tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

Kính gửi: Công ty

Bộ Công an nhận được Công văn sốcủa Công tyvề việc đề nghị cho phép thay đổi nội dung đã được chấp thuận tại Văn bản số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Không chấp thuận việc Công ty được thay đổi nội dung tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam so với Văn bản Số: /..... ngày ... tháng ... năm... của Bộ Công an theo như đề xuất tại Công văn sốcủa Công ty

Lý do không chấp thuận:.....

2. Công ty.... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại văn bản này và Công văn sốcủa Công ty/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa TT&DL, Giao thông vận tải, Ngoại giao (để phối hợp quản lý);
- UBND các tỉnh, thành phố: ...có lộ trình đoàn đi qua, nghỉ đêm trong quá trình tham gia giao thông tại Việt Nam (để phối hợp quản lý);
- Cơ quan tham mưu thuộc Bộ:...
- Lưu VT,.....

BỘ CÔNG AN

Mẫu số 03h. Báo cáo Bộ Công an về quá trình tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH DỊCH VỤ LỮ
HÀNH QUỐC TẾ
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Bộ Công an

Tên đơn vị du lịch kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế:

Đã được Bộ Công an chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam để du lịch tại Văn bản Số: ngày ... tháng ... năm...

Công ty báo cáo kết quả tổ chức cho khách du lịch nước ngoài mang phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam để du lịch, như sau:

1. Số lượng phương tiện:.....
2. Số lượng khách du lịch:.....
3. Cửa khẩu nhập cảnh:.....
4. Cửa khẩu xuất cảnh:.....
5. Ngày nhập cảnh:.....
6. Ngày xuất cảnh:.....
7. Kết quả thực hiện bảo đảm an toàn cho đoàn:

- Bố trí xe hướng dẫn giao thông, hướng dẫn về pháp luật trật tự an toàn giao thông đường bộ cho khách khi vào tham gia giao thông để tham quan, du lịch;

- Bảo đảm khách du lịch thực hiện đúng các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm việc phòng chống các dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế và của địa phương nơi đoàn đến và đi qua.

8. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Công ty du lịch
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: trong trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thì ký số hợp lệ của tổ chức tại phần ký, ghi họ tên, đóng dấu theo quy định về ký số.